TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂKGLEI** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 03/2020/HS-ST
Ngày: 03/6/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ G, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đình Tài.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông A Vệ và Ông Đỗ Kim H

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ G Glei, tỉnh Kon Tum;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ G Glei tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ G, tỉnh Kon Tum, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Lã Thị X, sinh năm 1984 tại Nam Định; Nơi đăng ký NKTT: Thôn Đăk Dung, Thị Trấn Đắk Glei, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Cán bộ Y tế Trường Tiểu học - Trung học sơ sở Lý Tự Trọng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam; Con ông Lã Văn Dương và bà Đoàn Thị Bé; Chồng: Không; Có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/5/2019 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại**:

- Chị Thái Thị Y H, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn 14B, xã Đ P, huyện Đ G, tỉnh Kon Tum - Có mặt.

- Chị Tạ Thị Mỹ L, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn 5, Xã D B, huyện Đ T, tỉnh Kon Tum - Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan**:

Anh Lã Văn H, sinh năm 1988 Trú tại: 1206/21A đường Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Phú, quận 7, Thành phố H *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*.

*** Người làm chứng:**

Chị Lã Thị L, sinh năm 1965. Trú tại thôn Đắk Dung, thị trấn Đ G, huyện Đ G, tỉnh Kon Tum *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lã Thị X (Sinh năm 1984, trú tại thôn Đăk Dung, thị trấn Đ G, huyện Đ G, tỉnh Kon Tum) sở hữu 03 thửa đất được cấp GCNQSDĐ có số phát hành là CM 629684, CC 179302, CO 334135. X đã sử dụng 03 GCNQSDĐ này để thế chấp tại các Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Đ G, tỉnh Kon Tum và Ngân hàng BIDV chi nhánh huyện N H, tỉnh Kon Tum để vay tiền. Do cần tiền để trả nợ, trả lãi và tiêu xài cá nhân nên trong thời gian từ tháng 9/2018 đến tháng 12/2018, X đã sử dụng 03 GCNQSDĐ giả để lừa đảo chiếm đoạt của chị Thái Thị Y H và Tạ Thị Mỹ L tổng số tiền 450.000.000 đồng *(Bốn trăm năm mươi triệu đồng)* và sử dụng GCNQSDĐ giả để làm thủ tục sang nhượng quyền sử dụng đất cho em trai mình là Lã Văn H, cụ thể như sau:

Vào năm 2016, Lã Thị X được cha mẹ cho 01 thửa đất tại thôn Đăk Dung, thị trấn Đ G, huyện Đ G, tỉnh Kon Tum. Sau khi làm thủ tục sang tên cho mình, X có hứa hẹn sẽ sang nhượng một phần thửa đất này cho em trai ruột là Lã Văn H. Ngày 30/9/2016, X được UBND huyện Đ G cấp GCNQSDĐ số CC 179302. Sau đó, X mang GCNQSDĐ này đi thế chấp tại Phòng giao dịch ngân hàng BIDV tại huyện N H, tỉnh Kon Tum để vay tiền. Đến tháng 9/2018, khi thấy bố mẹ *(ông Lã Văn Dương và bà Đoàn Thị Bé)* hỏi về GCNQSDĐ, X đã nảy sinh ý định làm GCNQSDĐ giả để nói dối gia đình.

Trong một lần tìm kiếm trên mạng Internet, X có được số điện thoại và kết bạn qua mạng xã hội Zalo với một người có tên tài khoản Zalo là Lưu Chí K (không rõ nhân thân, lai lịch). Sau khi kết bạn và trò chuyện trao đổi, K đã đồng ý làm cho X 01 GCNQSDĐ giả dựa trên hình ảnh GCNQSDĐ thật số CC 179302 được X chụp lại và gửi qua Zalo với số tiền 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng). Theo thỏa thuận, sau khi K làm xong GCNQSDĐ giả thì X sẽ chuyển tiền vào số tài khoản 19032588686019 mở tại Ngân hàng Techcombank cho K và K sẽ gửi GCNQSDĐ giả này qua nhà xe Thuận Phát cho X. Sau khi nhận được GCNQSDĐ giả, X đem về nhà cất giữ, đến ngày 06/12/2018, X đã sử dụng GCNQSDĐ giả số CC 179302 này để làm thủ tục sang nhượng thửa đất cho em trai

Lã Văn H và nhờ chị gái là Lã Thị L nộp GCNQSDĐ này cùng toàn bộ hồ sơ đến bộ phận một cửa của UBND huyện Đ G để hoàn tất thủ tục sang nhượng thì bị phát hiện GCNQSDĐ số CC 179302 là giả.

Do thấy GCNQSDĐ nhờ K làm giả nhìn bằng mắt thường giống như GCNQSDĐ thật nên X tiếp tục L hệ với đối tượng Lưu Chí K để làm thêm 02 GCNQSDĐ giả từ hình ảnh GCNQSDĐ thật do X cung cấp với mục đích dùng làm tài sản thế chấp để vay tiền của người khác. Khoảng 02 tuần sau, X nhận được 02 GCNQSDĐ giả số CM 629684 và CM 629685 K gửi qua nhà xe Thuận Phát, X đã chuyển vào tài khoản cho K số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Sau khi có được GCNQSDĐ giả, X đến gặp chị Thái Thị Y H *(trú tại thôn 14B, xã Đ P, huyện Đ G, tỉnh Kon Tum)* đặt vấn đề vay mượn số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) để đáo hạn ngân hàng, đồng thời đưa ra thông tin là sẽ thế chấp GCNQSDĐ mang tên mình để vay số tiền trên của chị H và được chị H đồng ý. Ngày 27/9/2018, X đưa đến cho chị H 01 GCNQSDĐ giả số CM 629684 mang tên Lã Thị X do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum cấp ngày 18/7/2018 để thế chấp vay số tiền 300.000.000 đồng trong thời hạn 10 ngày với lãi suất 5000đ/triệu/ngày, đến hạn X sẽ trả tiền cho chị H và lấy lại GCNQSDĐ nêu trên. Việc vay mượn được thể hiện bằng Giấy mượn tiền đề ngày 27/9/2018 do X viết và ký xác nhận. Số tiền vay mượn được nêu trên X không sử dụng vào mục đích đáo hạn Ngân hàng như thông tin đã đưa ra mà sử dụng để trả nợ cho chị Lê Thị Loan 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), trả nợ cho chính chị H 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Số tiền còn lại, X sử dụng để tiêu xài cá nhân. Đến hạn trả nợ, chị H đã nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng X đã đưa ra nhiều lý do nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Đến nay, X đã trả cho chị H 20.000.000 đồng tiền nợ gốc, còn nợ của chị H số tiền 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

Đến tháng 12/2018, qua sự giới thiệu của chị Y L *(Giáo viên trường Tiểu học - Trung học cơ sở Lý Tự Trọng huyện Đ G, tỉnh Kon Tum)*, X biết được chị Tạ Thị Mỹ L *(Trú tại Thôn 5, xã D B, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum)* có nhu cầu mua đất tại thị trấn Đ G, huyện Đ G nên X đã sử dụng GCNQSDĐ giả số CM 629685 để thỏa thuận việc chuyển nhượng thửa đất này cho chị L với giá chuyển nhượng là 300.000.000 (Ba trăm triệu đồng), chị L đưa trước cho X 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) tiền cọc, số tiền còn lại sẽ thanh toán sau khi tiến hành thủ tục sang tên và có GCNQSDĐ. Sau đó, X cùng chị L đến UBND thị trấn Đ G, huyện Đ G để công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Sau khi công chứng xong, chị L mang GCNQSDĐ giả số CM 629685 cùng toàn bộ hồ sơ

đến bộ phận Một cửa của UBND huyện Đ G để làm thủ tục sang tên trong GCNQSDĐ thù được cán bộ UBND huyện Đ G thông báo GCNQSDĐ số CM 629685 là giả nên chị L đã làm đơn tố cáo bị cáo gửi Cơ quan điều tra. Sau khi nhận số tiền cọc nêu trên của chị L, X sử dụng để trả nợ cho chị Lê Thị Loan số tiền 100.000.000 đồng, số tiền còn lại X dùng để tiêu xài cá nhân. Đến nay, X còn nợ chị L số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

- Tại Kết luận giám định số 24/GĐTP-2019 ngày 04/4/2019 của Phòng kỹ thuận hình sự - Công an tỉnh Kon Tum xác định:

+ 03 (ba) phôi "GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT" cần giám định (ký hiệu A01, A02, A03) là giả.

+ Hình dấu tròn có nội dung "ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN Đ G - TỈNH KON TUM" trên tài liệu "GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT" cần giám định (ký hiệu A01) là giả.

+ Hình dấu tròn có nội dung "VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH KON TUM - CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN Đ G" trên tài liệu "GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT" cần giám định (ký hiệu A01) với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M07) là do cùng một con dấu đóng ra.

+ Chữ ký đứng tên A Phương trên tài liệu "GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT" cần giám định (ký hiệu A01) với chữ ký của A Phương trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M02, M06) không phải do một người ký ra.

+ Chữ ký đứng tên Bùi Thị Hiền trên tài liệu "GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT" cần giám định (ký hiệu A01) với chữ ký của Bùi Thị Hiền trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M03, M04, M07) là do cùng một người ký ra.

+ Hình dấu tròn có nội dung "CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM - TỈNH KON TUM - SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG" trên 02 tài liệu "GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT" cần giám định (ký hiệu A02, A03) là giả.

+ Chữ ký đứng tên Phạm Đức H trên 02 tài liệu "GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT" cần giám định (ký hiệu A02, A03) với chữ ký của Phạm Đức H trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M05) không phải do cùng một người ký ra.

+ Chữ viết, chữ ký đứng tên Lã Thị X trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A04, A05, A06, A07, A08, A09) với chữ viết, chữ ký của Lã Thị X trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M08) là do cùng một người viết và ký ra.

Cáo trạng số 09/CT-VKS-P2 ngày 02/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo Lã Thị X về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 174 và tội *"Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức"* theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 48, Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 07 đến 08 năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và từ 03 đến 04 năm tù về tội *"Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức"*. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội từ 10 đến 12 năm tù.

Buộc bị cáo phải hoàn trả lại cho Chị Thái Thị Y H 280.000.000 đồng và chị Tạ Thị Mỹ L 150.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX xử lý theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Lời nói sau cùng: Bị cáo biết việc làm của bị cáo là vi phạm pháp luật xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Kon Tum, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Bị cáo và các người bị hại không có ý kiến gì và cũng không khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các

hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và lời khai tại phiên tòa của bị cáo và những người tham gia tố tụng xác định:

Do để nói dối bố mẹ cũng như cần tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Vào khoảng tháng 9/2018 đến tháng 12/2018, Lã Thị X đã nhờ Lưu Chí K làm giả 03 GCNQSDĐ mang tên mình (trong đó có 02 GCNQSDĐ làm giả được lấy từ thông tin GCNQSDĐ thật của Lã Thị X) với giá 48.000.000 đồng *(Bốn mươi tám triệu đồng)*. Ngày 27/9/2018 X đưa ra thông tin gian dối là cần tiền đáo hạn ngân hàng để vay của chị Thái Thị Y H 300.000.000 đồng, đồng thời sử dụng GCNQSDĐ giả số CM 629684 mang thế chấp cho chị H để tạo lòng tin. Tháng 12/2018, X tiếp tục sử dụng GCNQSDĐ giả số CM 629685 để sang nhượng cho chị Tạ Thị Mỹ L và chiếm đoạt 150.000.000 đồng tiền đặt cọc. Đồng thời, X cũng sử dụng GCNQSDĐ giả số CC 179302 để làm thủ tục sang nhượng quyền sử dụng đất cho em trai ruột là Lã Văn H.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng được công bố tại phiên tòa, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ sơ cở kết luận: Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của chị Thái Thị Y H và chị Tạ Thị Mỹ L tổng số tiền là 450.000.000 đồng *(Bốn trăm năm mươi triệu đồng)*, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Đồng thời, để đạt được mục đích chiếm đoạt số tiền nêu trên, bị cáo đã sử dụng các GCNQSDĐ giả để thực hiện hành vi của mình. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo về hai tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại tại điểm a, khoản 3 Điều 174 và *"Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức"* quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Bị cáo đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự trên địa bàn. Ngoài ra, hành vi của bị cáo còn xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực quản lý con dấu, tài liệu và hoạt động đúng đắn, bình thường của các Cơ quan chức năng, làm giảm hiệu lực quản lý của các Cơ quan, tổ chức này.

Trong vụ án này, bị cáo phạm hai tội đều thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, sau khi phạm tội không khắc phục hậu quả. Do đó, cần phải xử bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo; cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, như vậy mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo biết tôn trọng pháp luật, tôn trọng tài sản của người khác cũng như giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Bị cáo phạm nhiều tội, cần căn cứ các quy định tại Điều 55 BLHS để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 2 lần trở lên, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo có nhân thân tốt, trong thời gian công tác đã có nhiều thành tích; Bố đẻ của bị cáo là người có công với Cách mạng và đã nhiều lần được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương vì sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước; Tại phiên tòa, người bị hại là chị H và chị L xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính, ở với bố mẹ đã già và phải nuôi 02 con còn nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hội đồng xét xử nhận thấy cần cân nhắc áp dụng tình tiết tăng nặng và các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo khi lượng hình, nhằm đưa ra một bản án thích đáng để bị cáo thấy được sự nghiêm minh cũng như sự khoan hồng của pháp luật mà tích cực cải tạo, trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[5] Đối với đối tượng tên là Lưu Chí K, người đã làm giả 03 GCNQSDĐ cho bị cáo nhưng bị cáo không biết rõ nhân thân, lai lịch. Bị cáo chỉ biết giao dịch với K qua mạng xã hội Zalo, số tài khoản chuyển tiền là do K cung cấp cho bị cáo. Cơ quan điều tra đã làm việc với Ngân hàng Techcombank Chi nhánh Nguyễn Ảnh Thủ - xác minh chủ tài khoản 19032588686019 có thông tin nhân thân lai lịch là Lưu Chí K, sinh ngày 29/6/1989, nơi ĐKHKTT: xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, số CMND: 225156289 do Công an tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 23/3/2011. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kon Tum đã tiến hành xác minh tại địa chỉ trên thì không có ai tên là Lưu Chí K. Số CMND: 225156289 được Công an tỉnh Khánh Hòa cấp cho chị Lê Thị Hồng Phấn cư trú tại Thôn 1, xã Diên Phú, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa ngày

01/10/2014. Chị Phấn cho biết chị không quen biết ai tên là Lưu Chí K và Lã Thị X, chị cũng không bị mất và không cho ai mượn CMND của mình. Do đó, chưa có căn cứ để xác định nhân thân, lai lịch Lưu Chí K, người đã làm giả 03 GCNQSDĐ trên cho bị cáo nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, nếu có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp và có căn cứ.

Đối với việc bị cáo dùng GCNQSDĐ giả để sang nhượng cho em trai là Lã Văn H: Mặc dù bị cáo và anh Lã Văn H ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với giá trị chuyển nhượng là 105.700.000 nhưng thực tế bị cáo tặng cho anh H chứ không nhận tiền từ anh H như trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và bị cáo nhờ chị Lã Thị L là chị ruột, nộp thuế thu nhập cá nhân và phí trước bạ thay cho anh H bằng tiền của mình nên không có căn cứ để đưa số tiền này vào số tiền mà bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt.

Đối với hành vi của chị Thái Thị Y H cho bị cáo vay tiền với lãi suất 5000đ/triệu/ngày nhưng bị cáo chưa trả tiền lãi cho chị H nên chưa có căn cứ chị H thu lợi bất chính từ việc cho vay này.

Đối với nội dung tố giác của chị Lê Thị Loan: Kết quả điều tra đã xác định việc vay mượn tiền giữa bị cáo và chị Loan là quan hệ giao dịch dân sự và chị Loan cũng không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại là chị Thái Thị Y H yêu cầu bị cáo phải hoàn trả cho chị H 280.000.000 đồng tiền nợ gốc *(do đã trả nợ được 20.000.000 đồng tiền gốc trước đó)* bị cáo đã chiếm đoạt và chị Tạ Thị Mỹ L yêu cầu bị cáo hoàn trả toàn bộ số tiền đặt cọc mà bị cáo đã chiếm đoạt là 150.000.000 đồng và không có ai yêu cầu tính lãi suất.

Xét thấy yêu cầu của những người bị hại là có căn cứ cần được chấp nhận. Do đó, buộc bị báo phải hoàn trả cho các bị hại số tiền mà họ yêu cầu.

[7] Về vật chứng:

Cơ quan điều tra đã thu giữ 03 GCNQSDĐ giả số CC 179302, CM 629684 và CM 629685 mang tên Lã Thị X; 01 phôi GCNQSDĐ thật số CQ 948000 từ Sở Tài nguyên và Môi trường để làm mẫu giám định;

Xét thấy 03 GCNQSDĐ giả mang tên Lã Thị X nêu trên là vật chứng nhưng là tài liệu, chứng cứ quan trọng của vụ án nên tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

Trả lại cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum 01 phôi GCNQSDĐ thật số CQ 948000 (Tài liệu để làm mẫu giám định).

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án và phải hoàn trả tiền cho chị Thái Thị Y H và

chị Tạ Thị Mỹ L nên phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lã Thị X phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và tội *"Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".*

* Áp dụng điểm a, khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Lã Thị X 07 (Bảy) năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".*

* Áp dụng điểm b, khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Lã Thị X 03 (Ba) năm tù về tội *"Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".*

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017):

Buộc bị cáo Lã Thị X phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 10 (Mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự Buộc bị cáo Lã Thị X phải hoàn trả cho Chị Thái Thị Y H số tiền 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) và Chị Tạ Thị Mỹ L số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không trả hoặc trả chưa đủ số tiền nêu trên thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu theo Hồ sơ vụ án 03 GCNQSDĐ giả số CC 179302, CM 629684 và CM 629685 mang tên Lã Thị X.

Trả lại cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum 01 phôi GCNQSDĐ thật số CQ 948000.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 6, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lã Thị X phải nộp 200.000 đồng *(hai trăm nghìn*

đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 21.200.000 đồng *(hai mươi mốt triệu, hai trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng số tiền án phí bị cáo phải nộp là 21.400.000 đồng *(hai mươi mốt triệu, bốn trăm nghìn đồng)*.

Căn cứ Điều 331, 333 BLTTHS: Bị cáo, Người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (03/6/2020). Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người CQLNVLQ;
- VKSND huyện ĐăkGlei;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Sơ Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- CA huyện ĐăkGlei;
- Chi cục THA dân sự huyện ĐăkGlei;
- Lưu HS vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đình Tài